

TRẺ EM KINH QUYẾT (co giật)

A. Biện chứng luận trị

Kinh quyết còn gọi là kinh co quắp hoặc phong co quắp, tồn tại đồng thời với hôn mê, có thể do nhiều loại bệnh tật dẫn đến.

Khái quát lại có thể chia làm hai loại: Kinh quyết có sốt và Kinh quyết không sốt. Kinh quyết có sốt thường thấy ở trẻ em dưới 3 tuổi, thường do viêm nhiễm phát sốt nói chung, hoặc do trung khu thần kinh viêm nhiễm phát sốt, như viêm màng não, viêm não gây ra. Không sốt mà co quắp thường do chứng “trừu nặc” (co rút cơ co ngón tay) của trẻ sơ sinh, chứng não phát triển không đều và bệnh động kinh.

Tạng phủ của trẻ em còn non yếu, hình thể chưa đầy đủ, sau khi ngoại cảm “lục dâm”, rất dễ hóa hỏa sinh phong, chạy suốt vào lạc, nghiêm trọng hơn thì có thể dẫn động can phong. Lâu ngày thì hao tổn chân âm, có thể dẫn đến hư phong nội động, kéo dài lâu ngày không khỏi. Ở chương này chỉ giới thiệu chứng phát sốt kinh quyết thường thấy.

B. Điểm chủ yếu để kiểm tra

1. Đột nhiên bấp thịt co giật, tay chân rung động, hai mắt ngược lên hoặc nhìn lệch về một bên, góc miệng kéo động, hàm răng cắn chặt, thở hít nhanh, nông, không đều, vùng mặt và môi miệng xanh xám, có thể kèm mất ý thức, đái ã không tự chủ.
2. Thường kèm sốt cao hoặc các chứng khác, riêng về sốt cao co giật có thể tham khảo thiên sốt cao.
3. Nếu thuộc viêm nhiễm nói chung dẫn đến sốt cao co giật, khi sốt lui thì hết co giật, triển vọng tốt. Nếu co giật trở đi, trở lại không dứt, hoặc dứt co giật nhưng vẫn hôn mê, đồng tử co lại hoặc giãn to phải đề phòng não úng thủy, thường do viêm nhiễm hệ thần kinh trung ương, như dịch viêm não đông xuân, viêm não Nhật Bản B ở mùa hè thu, và ngộ độc do khuẩn lỵ.

C. Cách chữa

1. Xử lý cấp cứu

- a. Cởi nới quần áo, đặt trẻ nằm nghiêng, tránh không để cho mũi, dãi chảy vào trong đường hô hấp. Nếu họng có đờm, phải hút ngay đờm ra, tránh cản trở đến hô hấp.
- b. Khi co giật hôn mê, lấy vải lụa sạch bọc lưới đẩy vào trong cung răng, đề phòng không cho cắn vào đầu lưới, nếu có biểu hiện thiếu ô-xy thì cho thở ô-xy.

c. Chữa bằng châm cứu:

Thể âm: Hợp cốc (có thể thấu Hậu Khê), Thái xung (có thể thấu Dũng tuyền, Yêu du). Có sốt, thì gia Đại chùy, Khúc trì. Không phát sốt, thì gia Nhân trung, Trung xung, Côn luân.

Nhĩ châm: Giao cảm, Thần môn, Bì chất hạ, Não điểm Tâm. Chứng nặng thì dùng kích thích mạnh, lưu kim 60 phút.

Thủy châm:

Lấy huyết *Đại chùy, Hợp cốc*, mỗi huyết tiêm vào từ 1 phần tư đến 1 phần 2 cm³ bằng thuốc tiêm *Địa long*.

- Lấy huyết:

+ *Tam âm giao, Hợp cốc, Thái xung*.

+ *Phong phủ, Á môn, Phong trì*.

Chọn ở mỗi nhóm từ 1 đến 2 huyết phối hợp (có thể dùng thuốc loại trấn tĩnh, an thần).

Ấn day bằng tay: Véo ở hai bên đốt bàn tay ngón giữa, cho ra tới ngoài khớp đốt chùng nửa thốn, và véo ở *Côn luân, Dũng tuyền, Giải khê, Nhân trung*, thay nhau véo hoặc véo lại nhiều lần. Chú ý đừng để móng tay làm xước da trẻ em, hoặc véo mạnh làm rách da.

2. Biện chứng thí trị (điều trị theo chứng)

Biện chứng về kinh quyết, phải căn cứ vào bệnh tà tại biểu hay tại lý, quá trình bệnh dài hay ngắn mà chia ra làm ngoại phong hay nội phong. Ngoại phong thường thấy ở sơ kỳ của bệnh ngoại cảm phát sốt, bệnh trình ngắn mà sức bệnh cấp, chữa thì lấy khử phong, dứt đau làm chủ. Nội phong thường thấy ở thời kỳ toàn phát của bệnh sốt cao do nhiệt cực sinh phong, hoặc ở vào thời kỳ cuối do âm thương mà đưa đến hư phong nội động, cái trước thì phải thanh nhiệt dẹp phong, cái sau thì phải tư âm dẹp phong (bổ dưỡng âm để lấy âm dẹp phong). Nếu kèm hôn mê có thể tham khảo thiên Hôn mê.

a. Ngoại phong: Thường thấy ở thời kỳ đầu của bệnh, có phát sốt, vật vã, muốn nằm, hoặc nôn mửa, đột nhiên kinh quyết, rêu lưỡi mỏng mà trắng.

Cách chữa: Khử phong dứt kinh (làm mất phong dứt co giật).

Dùng bài thuốc:

<i>Phòng phong</i>	2 đồng cân,	<i>Cương tằm</i>	3 đồng cân,
<i>Thiên ma</i>	3 đồng cân,	<i>Câu đằng</i>	4 đồng cân,
<i>Bạc hà</i>	2 đồng cân,	<i>Cúc hoa</i>	2 đồng cân.

Gia giảm:

- Không có mồ hôi:

+ Ở mùa đông, xuân thì gia *Cát căn* 3 đồng cân

+ Ở mùa hạ, thu thì gia *Hương nhu* 1,5 đồng cân.

- Nôn mửa: Gia *Ngọc khu đan* từ 5 ly đến 1 phân 5 ly.

- Rêu lưỡi dày nhầy, gia: *Hoắc hương* 2 đồng cân, *Bội lan* 3 đồng cân, *Xương bồ* 1 đồng cân.

b. Nội phong

- **Nhiệt cực sinh phong.** Thường thấy ở thời kỳ giữa của bệnh. Sốt cao có hoặc không có mồ hôi, ý thức lơ mơ, kinh quyết, rêu lưỡi vàng, chất lưỡi đỏ hoặc khô.

Cách chữa: Thanh nhiệt dẹp phong.

Dùng bài thuốc:

<i>Câu đằng</i>	4 đồng cân,	<i>Sinh địa</i>	5 đồng cân,
<i>Cúc hoa</i>	3 đồng cân,	<i>Thạch quyết minh</i>	1 lạng,
<i>Thạch cao</i>	1 lạng,	<i>Xích thược</i>	3 đồng cân,

Đồng thời dùng *Tử tuyết đan* từ 2 đến 3 phân, ngày dùng 3 lần.

Gia giảm:

+ Hai mắt đỏ tía, gia *Long đả thảo* 2 đồng cân.

+ Hàu có tiếng đờm, gia *Thiên trúc hoàng* 3 đồng cân, *Trần đả tinh* 3 đồng cân, *Trúc lịch* 1 lạng, đổ vào lúc uống.

+ Chất lưỡi đỏ sẫm, gia *Mạch môn* 3 đồng cân, *Huyền sâm* 3 đồng cân, *Thiên hoa phấn* 5 đồng cân.

- **Hư phong nội động:** Thường thấy ở thời kỳ cuối của bệnh, sốt nhẹ, mồ hôi không ra, chân tay cử động yếu ớt, ngẫu nhiên co quắp, thân mệt mỏi, lưỡi hồng ít bọt.

Cách chữa: Tư âm dẹp phong.

Dùng bài thuốc: "*Đại định phong châu gia giảm*".

<i>Sinh địa</i>	5 đồng cân,	<i>A giao</i>	3 đồng cân,
<i>Bạch thược</i>	3 đồng cân,	<i>Sinh mẫu lệ</i>	5 đồng cân,
<i>Miết giáp</i>	5 đồng cân,	<i>Sinh quy bản</i>	5 đồng cân.

Gia giảm:

+ Phân sệt sệt, ăn ít, mặt trắng, ít tươi tắn, gia *Đảng sâm* 4 đồng cân, *Hoàng kỳ* 4 đồng cân.

+ Nằm ngủ không yên, có khi hư phiền, gia *Dạ giao đằng* 5 đồng cân, *Táo nhân* 3 đồng cân.

3. Phụ: Chứng cứng cơ

- **Di chứng chân tay cứng đơ, co quắp,** dùng *Ô tiêu xà* 3 đồng cân, *Địa long* 3 đồng cân, *Toàn yết* 1 đồng cân.

- **Bại liệt cứng đơ,** dùng *Đương quy* 3 đồng cân, *Hồng hoa* 2 đồng cân, *Ngưu tất* 3 đồng cân.

4. Phương thuốc 1 vị

Lấy 3 *con giun sống*, giã nát như bùn, cho thêm một ít muối ăn, đem đắp ở thóp thờ trước đỉnh đầu, (nếu nhiều tóc thì cắt đi), dùng thích hợp với trẻ em sơ sinh, có tác dụng đứt cơn co giật.